

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2025/DS-PT**

Ngày: 07/8/2025

V/v: “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thoa** – Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Đòi lại tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Trần Công H**, sinh năm 1971; Trú tại: **I W Arrow Hwy A C, CA 91711, USA (Hoa Kỳ)**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Trần Thị Mỹ H1**, sinh năm 1991 và ông **Nguyễn Xuân V**, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: **Tổ C, thôn D, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là phường P, thành phố Đà Nẵng)**, có mặt.

- Bị đơn: bà **Lê Thị Ái D**, sinh năm 1978; địa chỉ: **Số A, H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)**, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Ngô Minh P**, sinh năm 1970; địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là phường P, TP Đà Nẵng)**, vắng mặt.

2. Ông **Huỳnh Vĩnh H2**, sinh năm 2007; địa chỉ: **Số A, H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)**, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: bà Lê Thị Ái D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

3. Bà Lê Thị Thúy H3, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ G, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ A, Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị Ái D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: dựa trên sự quen biết, từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023, ông Trần Công H có gửi cho bà Lê Thị Ái D mượn số tiền 38.600 USD và 145.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là để bà D làm nhà, không tính lãi. Việc chuyển tiền USD thông qua dịch vụ, không ghi nội dung chuyển tiền; số tiền 145.000.000 đồng là do ông Ngô Minh P giao cho bà D 100.000.000 đồng và ông H trực tiếp giao tại nhà bà D 45.000.000 đồng. Sau đó ông H yêu cầu ghi giấy nợ, trả tiền nhưng bà D không trả. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả 38.600 USD và 145.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.900 USD, còn lại yêu cầu bị đơn trả 24.700 USD (624.910.000 đồng) và 145.000.000 đồng, tổng số tiền đến thời điểm xét xử là 769.910.000 đồng.

Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thừa nhận có nhận số tiền 24.700 USD của ông H như các chứng từ ông H cung cấp nhưng đây là tiền ông H chuyển tặng cho bà D vì biết hoàn cảnh gia đình bà D khó khăn, chồng bà D bị bệnh nặng; không có việc mượn tiền giữa hai bên. Riêng số tiền 100.000.000 đồng ông P đưa, bà D có nhận, ký giấy nhận tiền và đã chuyển số tiền này cho bà H1 (con ông H); số tiền 45.000.000 đồng thì bà D không biết. Do vậy bà D cho rằng không nợ ông H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

- Ông Ngô Minh P xác nhận có giao cho bà D 200.000.000 đồng, viết giấy làm chứng việc bà D nhận 100.000.000 đồng, còn số tiền 100.000.000 đồng còn lại vì nhờ bà D giao cho bà H1 nên không viết giấy. Việc giao tiền này có con rể ông P làm chứng.

- Ông Huỳnh Vĩnh H2, bà Lê Thị Thúy H3, bà Nguyễn Thị T cho rằng không biết, không liên quan gì đến việc ông H tranh chấp tiền nợ cùng với bà D.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là: chứng từ chuyển tiền; giấy ủy quyền; giấy xác nhận giao tiền lập ngày 11 tháng 9 năm 2022; vi băng ghi nhận việc cung cấp video và âm thanh; bản khai, bản giải trình, biên bản lấy lời khai, thủ tục thu thập chứng cứ của Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Trần Công H** về việc yêu cầu bà **Lê Thị Ái D** trả số tiền 13.900 USD, tương ứng số tiền 351.670.000 đồng. Quyền khởi kiện lại của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Trần Công H**, buộc bà **Lê Thị Ái D** phải trả cho ông **Trần Công H** số tiền 624.910.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Công H** về việc buộc bà **Lê Thị Ái D** trả cho ông **Trần Công H** 145.000.0000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2024, bị đơn bà **Lê Thị Ái D** kháng cáo không chấp nhận trả 624.910.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà **D** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà **Lê Thị Ái D** không chấp nhận trả 624.910.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà **D** thừa nhận đã nhận và chưa thanh toán số tiền 24.700 USD cho nguyên đơn theo phương thức giao tiền, thời điểm chuyển tiền như nguyên đơn trình bày; thừa nhận các nội dung trao đổi qua điện thoại theo vi bằng do phía nguyên đơn cung cấp đúng là lời nói của bà **Lê Thị Ái D** (giọng nữ) và ông **Trần Công H** (giọng nam); xác nhận sau khi ông **H** yêu cầu bà **D** viết giấy vay tiền, chuyển tiền, bà **D** phản hồi là tiền đã cho, không viết giấy thì gia đình ông **H** đến nhà bà **D** uy hiếp, đòi nợ và sau đó khởi kiện.

[2] Nhưng bà **D** cho rằng nguyên đơn đã tặng cho số tiền này vì thấy hoàn cảnh gia đình bị đơn khó khăn, nhưng bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh nguyên đơn có thỏa thuận tặng cho bị đơn số tiền trên, trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận.

[3] Bà **D** cung cấp vi bằng trích xuất bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 20 tháng 12 năm 2022, cụ thể:

- Ông **H** nói “Anh không làm khó em chi hết, khi trước em mượn anh có 400.000.000 chừ lên tiền tỷ rồi” thì bà **D** trả lời “Em mượn của anh em trả chứ em đâu có nói không trả” (BL 131);

- Ông **H** hỏi “chừ đi mượn dùm cho em đi trả lãi cho em rồi sau ni không có cái bằng chứng chi hết rồi bữa sau làm ren”, thì bà **D** trả lời “hồi trước nói rứa mà chừ thôi, anh mượn được chừ em trả, anh mượn được hai, ba trăm triệu ba tháng nữa em trả lại cho họ rồi chứ để chi nữa. Nếu không thì chừ ví dụ anh mượn ít quá

thì giờ lăi hén ít quá chớ mượn nhiều nhiều thì ba tháng cái em trả cho họ chứ mắc mớ chi rứa..” (BL 133).

- Khi ông H nói “ở bên Mỹ em kêu về viết giấy cho, về cái em kêu anh mượn thêm tiền cho em cái em viết giấy cho rồi em cũng không viết giấy tờ chi cả...”, thì bà D trả lời “ý anh nói em gặt anh nay” (BL 132).

Như vậy, bà D thừa nhận “mượn” tiền của ông H từ 400.000.000 đồng đến 01 tỷ đồng, chưa trả số tiền “mượn” này, phù hợp với số tiền ông H khởi kiện, yêu cầu bà D trả thuộc vụ án này. Bà D thừa nhận đoạn ghi âm nói về khoản tiền mà ông H đã chuyển cho bà và hiện nay ông Hữu K đòi lại. Lý do phát sinh đoạn ghi âm này là vì gia đình ông H trước đó đã đến nhà uy hiếp, làm ảnh hưởng đến chồng, con của bà D nên buộc bà phải nói những lời đó. Tuy nhiên, bà D cũng thừa nhận, tại thời điểm hai bên nói điện thoại thì ông H ở một nơi khác, bà D ở nhà, không có ai uy hiếp, buộc bà D phải nói.

Ngoài ra, bị đơn có cung cấp ghi âm lời nói nguyên đơn nhưng theo kết luận giám định không giám định được nên không có cơ sở xem xét .

[4] Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[5] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và 5.172.000 đồng chi phí giám định tại cấp phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ái D và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ái D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000142 ngày 21/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, bà D đã nộp xong.

3. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Ái D phải chịu 5.172.000 đồng, bà D đã nộp tạm ứng chi xong.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng;;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường